

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm liên kết đầu tư



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

VITA SỐNG LẠC QUAN

Điểm tựa vững chắc cho gia đình an vui

111 bệnh hiểm nghèo

- Bảo vệ toàn diện trước **111 bệnh hiểm nghèo**

600% Số tiền bảo hiểm

- Chi trả quyền lợi nhiều lần lên đến **600% Số tiền bảo hiểm** cho các Bệnh hiểm nghèo ngay từ khi phát hiện Bệnh

Hỗ trợ tài chính định kỳ

- **Hỗ trợ tài chính** định kỳ nếu mắc phải Ung thư

Danh mục bảo vệ đa dạng

- Danh mục **bảo vệ đa dạng** gồm các Bệnh hiểm nghèo cho trẻ em, Biến chứng bệnh tiểu đường, Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau

Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này
chỉ có giá trị minh họa khi có đầy đủ các trang



250224162522153

Generali SIS Bản số :ULP7
In ngày: 24/02/2025 16:25:22

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 61GP/KDBH, ngày 20/04/2011. Generali Việt Nam cung cấp giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ: bảo vệ, tiết kiệm, đầu tư và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe. Để tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại Việt Nam, Generali Việt Nam đã tăng vốn điều lệ lên đến 8.202,6 tỷ VND và trở thành một trong những công ty có vốn điều lệ cao nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ.

Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

TRỤ SỞ CHÍNH

GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH

43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

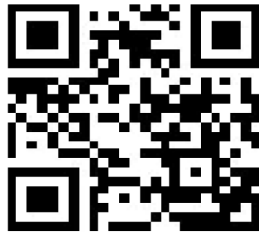
Hotline: 1900 96 96 75

Email: info@generali-life.com.vn

**Số điện thoại
Doanh nghiệp: (+84) 28 6288 6888**



Website: generali.vn



Báo cáo sản phẩm & hoạt động quỹ
<https://generali.vn/lai-suat>

Thông tin đại lý tổ chức:



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn đồng

Bên mua bảo hiểm: NGUYEN THI A				Tuổi: 29	Giới tính: Nữ	Nhóm nghề: 2	Nghề nghiệp: Bác sĩ thú y	
Định kỳ đóng phí: Hàng năm				Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm			Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm	
Người được bảo hiểm	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Tỉ lệ tăng phí (%)	Quyền lợi bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Phí BH hàng năm
NGUYEN THI A	29	Nữ	2	0	VITA - SỐNG LẠC QUAN	700.000	70	12.488
				0	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo chi trả nhiều lần	200.000	46	1.756
						Hàng năm	Hàng nửa năm	
Phí bảo hiểm cơ bản Năm 1						14.244	7.122	
Phí bảo hiểm bổ trợ Năm 1						-	-	
Phí bảo hiểm định kỳ Năm 1						14.244	7.122	
Phí bảo hiểm đóng thêm Năm 1						-		
Tổng phí bảo hiểm đóng tại Năm 1						14.244		

- Ghi chú:**
- Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm, tuy nhiên Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm. Thời hạn đóng phí bắt buộc là 4 năm, phí bảo hiểm định kỳ trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn. Khách hàng cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
 - Thời hạn đóng phí dự kiến hiển thị tại các trang minh họa quyền lợi có thể ngắn hơn số năm đóng phí dự kiến tại Trang thông tin Hợp đồng bảo hiểm, tùy thuộc vào thời gian hiệu lực của Hợp đồng tại từng mức lãi suất minh họa.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị: nghìn đồng

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ (minh họa tại mức lãi suất 5,3%/năm)	
	Quyền lợi chi trả
▪ Quyền lợi duy trì hợp đồng (*) lên đến	10.748
▪ Quyền lợi tiền mặt định kỳ mỗi 03 năm (*)	1.400
▪ Quyền lợi khi kết thúc hợp đồng	-

QUYỀN LỢI TỬ VONG	
▪ Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa 700.000 và giá trị Tài khoản cơ bản, cộng với giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có)
▪ Tử vong do Tai nạn	chi trả thêm 700.000 (**)

QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN (bảo vệ đến trước 75 Tuổi)		
	Quyền lợi chi trả mỗi bệnh	Quyền lợi chi trả tối đa
▪ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu	50.000	100.000
▪ Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau	200.000	1.000.000
▪ Hỗ trợ tài chính khi mắc Ung thư (***)	5.000	20.000
▪ Biến chứng bệnh tiểu đường	50.000	50.000

Ghi chú:

- (*) Quyền lợi duy trì hợp đồng bằng 10% tổng số tiền lãi đầu tư đã được tích lũy trong 36 tháng liền kề trước thời điểm xem xét quyền lợi. Quyền lợi tiền mặt định kỳ bằng giá trị nhỏ hơn giữa 0,2% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm xem xét quyền lợi và 3 triệu đồng. Quyền lợi duy trì hợp đồng và Quyền lợi tiền mặt định kỳ được chi trả bắt đầu từ cuối Năm hợp đồng thứ 03 và mỗi 03 Năm hợp đồng sau đó cho đến cuối Năm hợp đồng thứ 21.
- (**) Áp dụng khi NĐBH tử vong do Tai nạn trước Ngày kỉ niệm tháng hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 Tuổi.
- (***) Bắt đầu chi trả từ 01 năm sau ngày NĐBH được Chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau thuộc Nhóm bệnh Ung thư và mỗi năm sau đó, tối đa 04 lần chi trả hoặc đến khi NĐBH đạt 75 Tuổi, tùy thời điểm nào đến trước.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.



MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/30	14.244	4.273	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	1.595	-	-
2/31	28.488	8.546	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	7.705	-	-
3/32	42.732	9.259	150.000	1.000.000	701.400	700.000	142	1.400	16.383	3.564	-
4/33	56.976	10.683	150.000	1.000.000	701.474	700.000	-	-	25.426	14.031	-
5/34	71.220	12.820	150.000	1.000.000	701.552	700.000	-	-	37.144	27.173	-
6/35	85.464	14.244	150.000	1.000.000	703.035	700.000	569	1.400	52.899	45.777	-
7/36	99.708	14.244	150.000	1.000.000	703.195	700.000	-	-	67.448	61.751	-
8/37	113.952	14.244	150.000	1.000.000	703.365	700.000	-	-	82.679	78.406	-
9/38	128.196	14.244	150.000	1.000.000	704.943	700.000	1.224	1.400	101.189	98.340	-
10/39	142.440	14.244	150.000	1.000.000	705.205	700.000	-	-	117.975	116.550	-
11/40	156.684	14.244	150.000	1.000.000	705.481	700.000	-	-	135.556	134.844	-
12/41	170.928	14.244	150.000	1.000.000	707.171	700.000	1.993	1.400	157.336	156.624	-
13/42	185.172	14.244	150.000	1.000.000	707.552	700.000	-	-	176.759	176.047	-
14/43	199.416	14.244	150.000	1.000.000	707.952	700.000	-	-	197.094	196.382	-
15/44	213.660	14.244	150.000	1.000.000	709.773	700.000	2.888	1.400	222.691	221.979	-
16/45	227.904	14.244	150.000	1.000.000	710.291	700.000	-	-	245.270	245.270	-
17/46	242.148	14.244	150.000	1.000.000	710.837	700.000	-	-	268.955	268.955	-
18/47	256.392	14.244	150.000	1.000.000	712.811	700.000	3.932	1.400	299.118	299.118	-
19/48	270.636	14.244	150.000	1.000.000	713.490	700.000	-	-	325.557	325.557	-
20/49	284.880	14.244	150.000	1.000.000	714.205	700.000	-	-	353.354	353.354	-



MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ / Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiêu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21/50	284.880	-	150.000	1.000.000	714.276	700.000	-	-	350.617	350.617	-
22/51	284.880	-	150.000	1.000.000	714.347	700.000	-	-	347.653	347.653	-
23/52	284.880	-	150.000	1.000.000	714.419	700.000	-	-	344.438	344.438	-
24/53	284.880	-	150.000	1.000.000	714.491	700.000	-	-	340.949	340.949	-
25/54	284.880	-	150.000	1.000.000	714.564	700.000	-	-	337.163	337.163	-
30/59	284.880	-	150.000	1.000.000	714.931	700.000	-	-	312.375	312.375	-
35/64	284.880	-	150.000	1.000.000	715.308	700.000	-	-	273.922	273.922	-
40/69	284.880	-	150.000	1.000.000	715.695	700.000	-	-	210.361	210.361	-
42/71	284.880	-	150.000	1.000.000	715.852	700.000	-	-	173.586	173.586	-
43/72	284.880	-	150.000	1.000.000	715.932	700.000	-	-	151.856	151.856	-
45/74	284.880	-	150.000	1.000.000	716.091	700.000	-	-	98.621	98.621	-
47/76	284.880	-	-	-	716.253	-	-	-	35.451	35.451	-
48/77	284.880	-	-	-	(*)	-	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/30	14.244	4.273	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	1.559	-	-
2/31	28.488	8.546	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	7.470	-	-
3/32	42.732	9.259	150.000	1.000.000	701.400	700.000	82	1.400	15.727	2.907	-
4/33	56.976	10.683	150.000	1.000.000	701.442	700.000	-	-	24.163	12.768	-
5/34	71.220	12.820	150.000	1.000.000	701.485	700.000	-	-	34.997	25.027	-
6/35	85.464	14.244	150.000	1.000.000	702.930	700.000	310	1.400	49.281	42.159	-
7/36	99.708	14.244	150.000	1.000.000	703.018	700.000	-	-	62.209	56.511	-
8/37	113.952	14.244	150.000	1.000.000	703.108	700.000	-	-	75.432	71.159	-
9/38	128.196	14.244	150.000	1.000.000	704.601	700.000	646	1.400	90.943	88.094	-
10/39	142.440	14.244	150.000	1.000.000	704.740	700.000	-	-	104.784	103.360	-
11/40	156.684	14.244	150.000	1.000.000	704.834	700.000	-	-	117.768	117.055	-
12/41	170.928	14.244	150.000	1.000.000	706.331	700.000	771	1.400	133.042	132.330	-
13/42	185.172	14.244	150.000	1.000.000	706.458	700.000	-	-	146.311	145.599	-
14/43	199.416	14.244	150.000	1.000.000	706.587	700.000	-	-	159.706	158.994	-
15/44	213.660	14.244	150.000	1.000.000	708.119	700.000	912	1.400	175.548	174.836	-
16/45	227.904	14.244	150.000	1.000.000	708.240	700.000	-	-	188.326	188.326	-
17/46	242.148	14.244	150.000	1.000.000	708.364	700.000	-	-	201.159	201.159	-
18/47	256.392	14.244	150.000	1.000.000	709.889	700.000	864	1.400	216.276	216.276	-
19/48	270.636	14.244	150.000	1.000.000	710.038	700.000	-	-	229.293	229.293	-
20/49	284.880	14.244	150.000	1.000.000	710.188	700.000	-	-	242.383	242.383	-



MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiêu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
21/50	284.880	-	150.000	1.000.000	710.239	700.000	-	-	238.578	238.578	-
22/51	284.880	-	150.000	1.000.000	710.290	700.000	-	-	234.494	234.494	-
23/52	284.880	-	150.000	1.000.000	710.342	700.000	-	-	230.104	230.104	-
24/53	284.880	-	150.000	1.000.000	710.394	700.000	-	-	225.376	225.376	-
25/54	284.880	-	150.000	1.000.000	710.446	700.000	-	-	220.280	220.280	-
30/59	284.880	-	150.000	1.000.000	710.709	700.000	-	-	187.594	187.594	-
35/64	284.880	-	150.000	1.000.000	710.980	700.000	-	-	138.215	138.215	-
40/69	284.880	-	150.000	1.000.000	711.257	700.000	-	-	57.859	57.859	-
42/71	284.880	-	150.000	1.000.000	711.370	700.000	-	-	11.620	11.620	-
43/72	284.880	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HD/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/30	14.244	-	14.244	9.971	-	9.971	4.273	-	4.273	536	2.288	2.288
2/31	14.244	-	14.244	5.698	-	5.698	8.546	-	8.546	560	2.332	2.332
3/32	14.244	-	14.244	4.985	-	4.985	9.259	-	9.259	584	2.354	2.355
4/33	14.244	-	14.244	3.561	-	3.561	10.683	-	10.683	608	2.381	2.382
5/34	14.244	-	14.244	1.424	-	1.424	12.820	-	12.820	632	2.411	2.413
6/35	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	656	2.437	2.441
7/36	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	680	2.483	2.491
8/37	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	704	2.547	2.558
9/38	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	718	2.680	2.696
10/39	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	2.757	2.781
11/40	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	2.848	2.882
12/41	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	2.971	3.021
13/42	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.087	3.159
14/43	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.200	3.297
15/44	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.301	3.428
16/45	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.386	3.558
17/46	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.473	3.694
18/47	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.580	3.864
19/48	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.571	3.927
20/49	14.244	-	14.244	-	-	-	14.244	-	14.244	720	3.612	4.048



MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm dự kiến)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
21/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.772	4.283
22/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.984	4.542
23/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.220	4.828
24/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.477	5.142
25/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.756	5.486
30/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.778	7.957
35/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.876	11.731
40/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	15.967	19.266
42/71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	19.572	23.752
43/72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	21.818	10.903
45/74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	28.655	-
47/76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	29.923	-
48/77	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	32.350	-

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất 5,3% từ năm 1-20 và tại mức cam kết từ năm 21 trở đi (Lãi suất minh họa)						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/30	14.244	4.273	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	1.595	-	-
2/31	28.488	8.546	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	7.705	-	-
3/32	42.732	9.259	150.000	1.000.000	701.400	700.000	142	1.400	16.383	3.564	-
4/33	56.976	10.683	150.000	1.000.000	701.474	700.000	-	-	25.426	14.031	-
5/34	56.976	-	150.000	1.000.000	701.552	700.000	-	-	23.624	13.653	-
6/35	56.976	-	150.000	1.000.000	701.635	700.000	-	-	21.647	14.525	-
7/36	56.976	-	150.000	1.000.000	701.721	700.000	-	-	19.460	13.763	-
8/37	56.976	-	150.000	1.000.000	701.812	700.000	-	-	17.032	12.759	-
9/38	56.976	-	150.000	1.000.000	701.909	700.000	-	-	14.274	11.425	-
10/39	56.976	-	150.000	1.000.000	702.010	700.000	-	-	11.233	9.808	-
11/40	56.976	-	150.000	1.000.000	702.116	700.000	-	-	7.873	7.161	-
12/41	56.976	-	150.000	1.000.000	702.228	700.000	-	-	4.126	3.414	-
13/42	56.976	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HẠ QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ /Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm đã đóng	Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo (BHN) tối đa		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết						
			BHN giai đoạn đầu/ Biến chứng bệnh tiểu đường	BHN giai đoạn sau	Quyền lợi tử vong	Quyền lợi nhận thêm khi tử vong do Tai nạn	Quyền lợi duy trì hợp đồng	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Khoản rút tiền và phí rút tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1/30	14.244	4.273	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	1.559	-	-
2/31	28.488	8.546	150.000	1.000.000	700.000	700.000	-	-	7.470	-	-
3/32	42.732	9.259	150.000	1.000.000	701.400	700.000	82	1.400	15.727	2.907	-
4/33	56.976	10.683	150.000	1.000.000	701.442	700.000	-	-	24.163	12.768	-
5/34	56.976	-	150.000	1.000.000	701.485	700.000	-	-	21.773	11.802	-
6/35	56.976	-	150.000	1.000.000	701.530	700.000	-	-	19.232	12.110	-
7/36	56.976	-	150.000	1.000.000	701.576	700.000	-	-	16.511	10.813	-
8/37	56.976	-	150.000	1.000.000	701.623	700.000	-	-	13.582	9.309	-
9/38	56.976	-	150.000	1.000.000	701.672	700.000	-	-	10.365	7.516	-
10/39	56.976	-	150.000	1.000.000	701.722	700.000	-	-	6.915	5.491	-
11/40	56.976	-	150.000	1.000.000	701.756	700.000	-	-	3.157	2.444	-
12/41	56.976	-	(*)	(*)	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)	-

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng.

MINH HỌA CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ
(theo Thời hạn đóng Phí bảo hiểm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Cuối năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ			Phí quản lý hợp đồng (**)	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Cơ bản và bổ trợ	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng	Vào Tài khoản cơ bản	Vào Tài khoản đóng thêm	Tổng		Minh họa tại mức lãi suất đầu tư	
											Lãi suất minh họa	Lãi suất cam kết
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)	(13)
1/30	14.244	-	14.244	9.971	-	9.971	4.273	-	4.273	536	2.288	2.288
2/31	14.244	-	14.244	5.698	-	5.698	8.546	-	8.546	560	2.332	2.332
3/32	14.244	-	14.244	4.985	-	4.985	9.259	-	9.259	584	2.354	2.355
4/33	14.244	-	14.244	3.561	-	3.561	10.683	-	10.683	608	2.381	2.382
5/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	632	2.431	2.433
6/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	656	2.484	2.487
7/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	680	2.562	2.566
8/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	704	2.660	2.665
9/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	718	2.842	2.849
10/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	2.973	2.981
11/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.126	3.135
12/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.329	2.503
13/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	3.246	-

(**) Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng minh họa theo mức Lãi suất minh họa.



GHI CHÚ

- Tổng Phí bảo hiểm đã đóng được minh họa theo Thời hạn đóng phí dự kiến và Thời hạn đóng phí bắt buộc. Chi tiết về Phí bảo hiểm được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng được thể hiện tại trang “Minh họa chi tiết các loại phí”.
- Việc rút tiền sẽ được thực hiện từ Tài khoản đóng thêm (nếu có) trước; sau đó đến Tài khoản cơ bản.
- Trang "Minh họa quyền lợi hợp đồng bảo hiểm" thể hiện các minh họa về Phí bảo hiểm và các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm. Giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế phụ thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa 5,3%/năm nhưng không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết), phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Tài khoản hợp đồng, vì vậy giá trị Tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Kết quả thực tế của Quỹ liên kết chung sẽ được cập nhật tại Trang web chính thức của Generali (generalivn.vn). Chi tiết về hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi bảo hiểm cụ thể được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung (có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức minh họa).
- Giá trị tài khoản đã bao gồm Quyền lợi duy trì hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi tiền mặt định kỳ (nếu có). Điều kiện cụ thể để nhận các Quyền lợi thưởng được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.
- Giá trị hoàn lại tương ứng với Giá trị Tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.



TÓM TẮT LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

STT	Sản phẩm bảo hiểm	Điều khoản loại trừ
1	VITA - Sống Lạc Quan	Tham khảo Điều 3, Quy tắc và Điều khoản Bảo hiểm Liên kết chung (Phiên bản 2018)



DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO ĐƯỢC BẢO HIỂM (BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CHI TRẢ NHIỀU LẦN)				
BIẾN CHỨNG BỆNH TIỂU ĐƯỜNG	BỆNH HIỂM NGHÈO DÀNH CHO TRẺ EM			
1. Bệnh vồng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường	1. Bệnh Wilson 2. Bệnh Tay - Chân - Miệng với các biến chứng nặng (đe dọa tính mạng) 3. Bệnh tiểu đường phụ thuộc Insulin (Tiểu đường tuýp 1)	4. Bệnh Kawasaki với các biến chứng tim 5. Bệnh xương thủy tinh 6. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	7. Bệnh Hemophilia thể nặng 8. Sốt xuất huyết Dengue 9. Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em (Bệnh Still ở trẻ em)	10. Chứng tự kỷ thể nặng 11. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng 12. Bệnh bạch hầu đường hô hấp
NHÓM BỆNH	BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU THEO NHÓM BỆNH			
1. Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ	2. Ung thư giai đoạn sớm của một số cơ quan		
2. Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật tái tạo đường mật	8. Ghép giác mạc 9. Hen suyễn nặng 10. Xơ gan 11. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục		
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu	16. Tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 17. Cắt màng ngoài tim 18. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 19. Tăng áp động mạch phổi giai đoạn sớm 20. Phồng động mạch chủ nặng không có triệu chứng		
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương tủy sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột	25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình		
5. Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng không nghiêm trọng 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai	33. Mất chức năng 01 chi và mất thị lực 01 mắt 34. Viêm vồng mạc sắc tố 35. Viêm khớp dạng thấp thể trung bình		

NHÓM BỆNH		BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN SAU THEO NHÓM BỆNH	
1. Ung thư	1. Ung thư		
2. Tạng chủ	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn mãn tính	
3. Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ	15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	
4. Hệ thống thần kinh – Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quỵ 21. Bệnh Alzheimer 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não nặng 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. U não lành tính 31. Bệnh bại liệt	32. Cụt chi 33. Liệt chi 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do Tai nạn 41. Phình mạch não bắt buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiến triển 44. Liệt hành não tiến triển	
5. Khác	45. Bỏng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm đa khớp dạng thấp thể nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển	53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm cân mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có đường rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh phù chân voi	



GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- 1. Phí bảo hiểm cơ bản: xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo, Tuổi và giới tính của Người được bảo hiểm vào ngày ký Giấy yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 2. Phí bảo hiểm đóng thêm: Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi đã đóng đủ tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí bảo hiểm đóng thêm cần tuân thủ theo mức tối thiểu và tối đa do Generali quy định tại từng thời điểm.
- 3. Phí bảo hiểm hỗ trợ: Là phí bảo hiểm của (các) Bảo hiểm hỗ trợ. Phí bảo hiểm hỗ trợ được phân bổ vào Tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 4. Phí bảo hiểm định kỳ: là Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí đã chọn.
- 5. Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm hỗ trợ (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư tương ứng, Quyền lợi duy trì hợp đồng được cộng vào giá trị Tài khoản cơ bản theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
- 6. Tài khoản đóng thêm: Là tài khoản ghi nhận các giá trị tích lũy từ Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng. Các khoản lãi đầu tư tương ứng và Quyền lợi tiền mặt định kỳ được cộng vào giá trị Tài khoản đóng thêm theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
- 7. Tài khoản hợp đồng: Là tài khoản ghi nhận tổng giá trị của của Tài khoản cơ bản và Tài khoản đóng thêm (nếu có).
- 8. Phí ban đầu: Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm hỗ trợ và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi các khoản phí bảo hiểm này được phân bổ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí ban đầu được quy định như sau:

Phí bảo hiểm của Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản	70%	40%	35%	25%	10%	0%
% Phí bảo hiểm hỗ trợ (áp dụng cho Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn - Phiên bản mở rộng & VITA - Sức Khỏe Vàng - Phiên bản 3/VITA - Sức Khỏe Kim Cương)	60%	45%	15%	5%	0%	0%
% Phí bảo hiểm hỗ trợ (áp dụng cho các Bảo hiểm hỗ trợ khác)	50%	35%	30%	20%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					

- 9. Phí bảo hiểm rủi ro: Là khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của các Quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này và (các) Bảo hiểm hỗ trợ (nếu có).



GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

10. **Phí quản lý hợp đồng:** Là khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2019, Phí quản lý hợp đồng là 33.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.
11. **Phí quản lý quỹ:** Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Generali công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ tối đa là 2% mỗi năm tính trên giá trị Tài khoản hợp đồng.
12. **Phí rút tiền từ Tài khoản hợp đồng:** Phí rút tiền từ Tài khoản cơ bản là 2% số tiền rút và áp dụng trong suốt Thời hạn hợp đồng; không áp dụng Phí rút tiền từ Tài khoản đóng thêm.
13. **Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn:** Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn đối với Tài khoản cơ bản được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 - 15	16+
Phí bảo hiểm Năm hợp đồng đầu tiên tại thời điểm phát hành hợp đồng	100%	100%	90%	80%	70%	50%	40%	30%	20%	10%	5%	0%

- Nếu giá trị Tài khoản cơ bản nhỏ hơn Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn, Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn bằng giá trị Tài khoản cơ bản tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Phí chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn đối với Tài khoản đóng thêm: Không áp dụng.
14. **Lãi suất đầu tư:** Là mức lãi suất được áp dụng để xác định số tiền lãi được cộng và tích lũy vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Lãi suất đầu tư là mức lãi suất cao hơn giữa lãi suất công bố và lãi suất đầu tư cam kết. Lãi suất đầu tư cam kết được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 20	21+
Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm)	4,0%	3,0%	2,0%	1,5%	0,5%

15. **Quỹ liên kết chung:** Là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm mở rộng và Phí bảo hiểm đóng thêm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và thuộc quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Generali thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng. Generali có thể ủy thác việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cho một bên thứ ba. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung trong giai đoạn 2018 - 2023 như sau:

Năm hợp đồng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất đầu tư (%/năm)	6,25 - 6,5%	5,6 - 6,25%	5,2 - 5,6%	4,6 - 5,0%	4,4 - 5,6%	5,6 - 6,5%



LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 1. Nghĩa vụ cung cấp thông tin: Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Quý khách và Người được bảo hiểm đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt.
- 2. Thời gian cân nhắc: Quý khách có 21 ngày tính từ ngày nhận Hợp đồng để (i) Kiểm tra toàn bộ thông tin của Hợp đồng; và (ii) Thay đổi quyết định tham gia bảo hiểm (bằng cách gửi văn bản đến Generali). Nếu có bất kỳ thông tin nào chưa chính xác hay chưa đầy đủ, Quý khách cần thông báo kịp thời cho Generali trong thời hạn nêu trên. Nếu Quý khách từ chối tham gia bảo hiểm, Hợp đồng sẽ được hủy bỏ và Generali sẽ hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi các chi phí khám và xét nghiệm y khoa (nếu có).
- 3. Đóng phí bảo hiểm: Quý khách cần đóng phí theo đúng quy định để duy trì hiệu lực Hợp đồng. Các sản phẩm liên kết chung và liên kết đơn vị có tính năng cho phép Bên mua bảo hiểm tạm ngưng đóng phí sau một số năm. Tuy nhiên, xin lưu ý: việc tạm ngưng đóng phí có thể làm cho Hợp đồng mất hiệu lực và/hoặc không đạt được kết quả đầu tư như mong muốn.
- 4. Thời gian chờ: là khoảng thời gian mà sự kiện xảy ra trong khoảng thời gian đó sẽ không được Generali chi trả quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được quy định chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm. Thời gian chờ được tính từ ngày sản phẩm bắt đầu có hiệu lực, hoặc ngày khôi phục hiệu lực gần nhất (tùy vào ngày nào đến sau).
- 5. Cập nhật thông tin: Khách hàng và Người được bảo hiểm cần thông báo kịp thời cho Generali khi (i) Có thay đổi về nơi cư trú và thông tin liên lạc, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, v.v.); hoặc (ii) Ra nước ngoài liên tục trên 3 tháng; hoặc (iii) Thay đổi người thụ hưởng.
- 6. **Bên mua bảo hiểm có thể: (i) Tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư dự kiến tham gia thông qua công cụ tính phí tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generalivietnam.vn/cong-cu-tinh-phi/>; và (ii) Tham khảo quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm dự kiến tham gia tại website của Generali Việt Nam theo đường dẫn: <https://generalivietnam.vn/page/thu-vien-thong-tin/tai-lieu-bieu-mau>**

Mọi thắc mắc, Quý khách có thể liên hệ hotline 1900 969675 hoặc trực tiếp tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của Generali:
<https://generalivietnam.vn/bao-hiem-ca-nhan/lien-he/ho-tro/danh-sach-dia-diem>



XÁC NHẬN CỦA TỰ VẤN BẢO HIỂM		XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM & NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM	
Tôi, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.		- Tôi/Chúng tôi, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. - Tôi/Chúng tôi đã được giải thích đầy đủ và đã hiểu rõ điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm liệt kê trong Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm là đầy đủ và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng có thể bị chấm dứt. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Tôi/Chúng tôi hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng. - Tôi/chúng tôi hiểu và đồng ý rằng: i) Tài liệu minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị minh họa; ii) Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 04 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng. - Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí bảo hiểm rủi ro của (các) sản phẩm bổ trợ được khấu trừ hàng tháng từ Tài khoản hợp đồng khi Tôi/Chúng tôi tham gia (các) sản phẩm bổ trợ, và việc tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm chính.	
		BÊN MUA BẢO HIỂM	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM
Họ và tên: Ngày:/...../.....		Họ và tên: NGUYEN THI A Ngày:/...../.....	Họ và tên: Ngày:/...../.....

Tài liệu minh họa này được lập thông qua ứng dụng điện tử Genova của Generali Việt Nam và được Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Tư vấn bảo hiểm xác nhận bằng Thư xác nhận yêu cầu bảo hiểm qua ứng dụng điện tử Genova

